

Bản án số: 08/2019/DS-PT
Ngày: 22- 01- 2019
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tòng

Ông Lâm Văn Be

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Thái Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2019/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; HKTT: Số mới 13 (số cũ 27/1), hẻm 16, đường Bời Lời, khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: Hẻm 21, đường Bời Lời, khu phố Ninh Thọ, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; trú tại: Khu phố 4, phường 2, TP T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 07-9-2018); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; trú tại: Số mới 13 (số cũ 27/1), hẻm 16, đường Bời Lời, khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Trịnh Minh T1, sinh năm 1978; trú tại: Số 493, đường Bời Lời, khu phố Ninh Thọ, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 10-01-2019); có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; trú tại: Hẻm 66, đường Điện Biên Phủ, khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, TP T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Trịnh Minh T1, sinh năm 1978; trú tại: Số 493, đường Bời Lời, khu phố Ninh Thọ, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 10-01-2019); có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979; trú tại: Số mới 13 (số cũ 27/1), hẻm 16, đường Bời Lời, khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; trú tại: Số mới 13 (số cũ 27/1), hẻm 16, đường Bời Lời, khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh là người giám hộ cho anh P; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo nội dung án sơ thẩm:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha mẹ chị Nguyễn Thị Thu H là cụ Nguyễn Văn Liệu sinh năm 1930, chết năm 1997 và cụ Nguyễn Thị Thại sinh năm 1948, chết ngày 05-4-2014; hai cụ có 04 người con gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Thu T; không có con nuôi, con ngoài giá thú; hai cụ có tạo lập ra một số tài sản chung nhưng đã bán, tài sản còn lại là một phần đất ngang 25m, dài 30m tọa lạc tại khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có một căn nhà tạm vách đất lợp ngói, do cụ Thại đứng tên; khi còn sống, cụ Thại có cho chị H1 phần đất ngang 05m dài hết đất và cụ Thại có nói miệng cho chị H phần đất ngang 04m dài hết đất, cho chị T phần đất ngang 6m dài hết đất; đến năm 2005 do chị H1 làm ăn thất bại nên cụ Thại bán phần đất ngang 10m dài hết đất (gồm cả phần đất cụ Thại cho chị H1) để trả nợ cho chị H1, năm 2006 cụ Thại tiếp tục bán phần đất ngang 05m dài hết đất, hiện còn phần đất ngang 10m dài 30m do cụ Nguyễn Thị Thại đứng tên; khi cụ Thại chết không để lại di chúc. Nay chị H yêu cầu được chia phần đất ngang 04m, dài 30m, không yêu cầu chia căn nhà trên đất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của chị H và người đại diện của chị H là bà L về cha mẹ, anh chị em. Về phần tài sản: Sau khi mẹ chết còn để lại tài sản là một phần đất ngang 10m, dài 30m tọa lạc tại khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có một căn nhà tường ngang 05m dài 18m do cụ Thại đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04701/NS do UBND thị xã Tây Ninh cấp ngày 17-7-2009 cho cụ Thại đứng tên; cha mẹ chết không để lại di chúc. Nay chị H khởi kiện yêu cầu được hưởng phần đất ngang 04m dài hết đất trong phần đất cha mẹ chết để lại chị không đồng ý, yêu cầu chia đều phần đất trên cho các anh chị em (04 người), mỗi người hưởng một bằng nhau, ngang 2,5 m dài hết đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của chị H và người đại diện của chị H là bà L về cha mẹ, anh chị em. Về phần tài sản: Sau khi cụ Thái chết để lại tài sản là một phần đất ngang 10 m, dài 30 m tọa lạc tại khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có một căn nhà tường ngang 05 m dài 18 m do cụ Thái đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04701/NS do UBND thị xã Tây Ninh cấp ngày 17-7-2009 cho cụ Thái đứng tên; cụ Liệu và cụ Thái chết không để lại di chúc. Nay chị H yêu cầu được hưởng phần đất ngang 04 m dài hết đất chị không đồng ý, chị yêu cầu chia đều phần đất trên cho các anh chị em (04 người), mỗi người hưởng một bằng nhau, ngang 2,5 m dài hết đất; chị đồng ý giao phần của chị được hưởng cho anh P. Anh P bị tật bẩm sinh đang sống chung nhà với chị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2018, anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Cha mẹ anh là cụ Nguyễn Văn Liệu và cụ Nguyễn Thị Thái; quá trình chung sống các cụ có 04 người con gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Hữu P; Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu T, ngoài ra không có anh chị em nào khác; khi cha mẹ chết không để lại di chúc, có để lại tài sản là nhà đất, hiện chị T đang quản lý. Nay chị H khởi kiện yêu cầu được hưởng phần đất ngang 04m dài hết đất trong phần đất cha mẹ chết để lại, anh yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 143/2018/DS-ST ngày 20-11-2018 của Tòa án nhân dân TP T, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; ; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với chị Nguyễn Thị Thu T.

Chị Nguyễn Thị Thu H được hưởng diện tích diện tích 77,502m² (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 2,53 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 2,757 m; phía Nam giáp đất chị H được chia dài 29,32 m; phía Bắc giáp đất thửa số 327 dài 29,32 m trị giá là 367.886.250 đồng và chị H có trách nhiệm giao lại cho T số tiền 197.910.000 đồng, tương đương với diện tích (ngang 1,5 m dài hết đất) đất chị H1 nhận giao lại cho anh P chị T là người giám hộ nhận; do chị H giao tiền cho chị T tương đương diện tích ngang 1,5 m dài hết đất nên chị H được quyền sử dụng diện tích 121,48 m² (ngang mặt trước 4,03 m, ngang mặt sau 4,257m x dài 29,32 m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 4,03 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 4,257 m; phía Nam giáp đất chị H1 được hưởng giao cho anh P dài 29,32 m; phía Bắc giáp đất thửa số 327 dài 29,32 m

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H1 giao lại toàn bộ phần thừa kế mà chị được hưởng cho anh Nguyễn Hữu P được hưởng phần đất diện tích diện tích 77,502m² (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 2,53 m; phía Tây giáp lộ 4 m dài 2,757 m; phía Nam giáp đất anh P được chia dài 29,32 m; phía Bắc giáp đất của chị H được chia dài 29,32 m trị giá là 367.886.250 đồng.

Anh Nguyễn Hữu P được hưởng diện tích diện tích 77,502m² (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 2,53 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 2,757 m; phía Nam giáp đất chị T được chia dài 29,32 m; phía Bắc giáp đất của chị H được chia dài 29,32 m trị giá là 367.886.250 đồng và phần đất chị H giao cho anh P. Chị T là người giám hộ của anh P nên chị T được nhận và có trách nhiệm giao cho chị H diện tích 43,98 m² (ngang 1,5 m x dài 29,32 m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), đất của chị H1 được hưởng giao cho anh P tương ứng với số tiền 197.910.000 đồng chị H1 giao chị T nhận.

Chị Nguyễn Thị Thu T được hưởng diện tích diện tích 77,502m² (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 2,53 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 2,757 m; phía Nam giáp thửa số 423 dài 29,35 m; phía Bắc giáp đất của anh P được chia dài 29,32 m trị giá là 367.886.250 đồng.

Ghi nhận các bên thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được hưởng căn nhà gạch diện tích 50 m², diện tích nhà tạm 23 m², diện tích mái che 29 m², tổng diện tích 102m², diện tích nhà vệ sinh 5,4m² tọa lạc tại số 13, đường số 16 Bờ Lồi, khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh; hiện chị T và anh P đang quản lý sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-12-2018, chị Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Án sơ thẩm chia cho mỗi người 2,5m/10m ngang là đồng ý. Phần chị H giao lại cho anh P được hưởng 2,5m. Giao cho chị H 1,5m/2,5m ngang, buộc chị H trả lại giá trị tiền là 197.900.000 đồng là không đồng ý. Chị T không đồng ý giao đất, nhận tiền.

Ngày 16-01-2019, nộp bản tường trình kháng cáo bổ sung đề ngày 15-01-2019 có nội dung xin được miễn tiền án phí của anh Nguyễn Hữu P do bị tật bẩm sinh, khuyết tật trí tuệ. Nay đồng ý giao cho chị H 0,5m/2,5m ngang của anh P. Chị H phải thanh toán lại số tiền 72.704.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc chị

H trả 197.910.000 đồng khi nhận 1,5m đất ngang là không đúng. Theo định giá 1,5m ngang là 218.114.000 đồng, chi yêu cầu được xem xét lại.

Ngày 05-12-2018, chị Nguyễn Thị H1 kháng cáo xin nhận diện tích đất được hưởng, không đồng ý giao lại cho Nguyễn Hữu P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị H1 là anh Trịnh Minh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới, hai bên không tự thỏa thuận được vấn đề giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị H1, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị H1 trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đầy đủ là hợp lệ về hình thức.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn thị Thu T, chị Nguyễn Thị H1 thấy rằng:

[2.1] Về phần phân chia di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất 02 cụ Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Thị Thại chết không để lại di chúc, có 04 người con chung: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu T. Tài sản còn lại là 300 m² (ngang 10m x dài 30m), tọa lạc tại phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh. Giấy cấp cho cụ Thại ngày 17-7-2009, trên đất có căn nhà cấp 4, kích thước 05m x 18m. Các bên thống nhất giao nhà cho chị T được hưởng, yêu cầu chia thừa kế 300 m². Cấp sơ thẩm xác định việc yêu cầu chia thừa kế là còn thời hiệu, chia tài sản thành 04 phần bằng nhau, chị T giữ tài sản nên được hưởng nhà cấp 4 là hợp lý. Xét yêu cầu kháng cáo chị T chỉ đồng ý chia cho chị H diện tích ngang 2,53m x dài 39,32m. Nay chị T đồng ý cho chị H ngang 0,5m, kích thước mặt tiền chị H được hưởng là 3,03m là không hợp lý cho việc chị H xây nhà, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi chị T nhận được 03 kỷ phần thừa kế của chị, anh P và phần chị H1 giao lại cho anh P, tổng cộng là 232,5 m²/ 310m², tương đương 7,59m ngang. Cấp sơ thẩm chia cho chị H 2,53m mặt tiền, nhận thêm 1,5m mặt tiền thành 4,02 m, phần chị T còn lại 6,09 m là hợp lý. Hơn nữa, khi xảy ra tranh chấp, tại biên bản hòa giải của UBND phường NS, chị T đồng ý cho chị H cất nhà 04 m, còn bán cho người khác là 03 m mặt tiền (bút lục 14, 15). Nên không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo phần này của chị T. Cấp sơ thẩm xác định mỗi kỳ phần thừa kế là $77,502\text{m}^2$ (ngang 2,53m) trị giá 367.886.200 đồng, tương đương với $4.746.796,211$ đồng/ m^2 . Giao cho chị H diện tích $43,98\text{m}^2$ (ngang 1,5m x dài 29,32m) tương đương với trị giá $43,98\text{m}^2 \times 4.746.796,211$ đồng/ $\text{m}^2 = 208.764.100$ đồng. Nhưng nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc trả có 197.910.000 đồng là không chính xác, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[2.2] Về kháng cáo xin được miễn án phí cho anh P: Xét thấy anh Nguyễn Hữu P là người bị khuyết tật bẩm sinh, có giấy xác nhận của UBND phường NS. Hơn nữa, chị T là người giám hộ cho anh P có đơn yêu cầu được miễn án phí. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Hữu P được miễn toàn bộ án phí.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị H1 xin nhận đất được hưởng, không giao lại cho anh Nguyễn Hữu P, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 đồng ý giao lại phần đất được chia cho anh P. Theo án sơ thẩm, phần đất chị H1 được hưởng có diện tích $77,502\text{m}^2$ (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m). Xét thấy, chị H đã được hưởng $43,98\text{m}^2$ (ngang 1,5m x dài 29,32m) đối với phần đất này, nên chị H1 chỉ còn lại phần đất diện tích $33,522\text{m}^2$ (ngang 1,03 m) có trị giá $33,522\text{m}^2 \times 4.746.796,211$ đồng/ $\text{m}^2 = 159.122.100$ đồng. Theo Quyết định số: 04/2016/QĐ-UBND ngày 29-02-2016 của UBND tỉnh Tây Ninh, quyết định ban hành quy chế về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất, diện tích tối thiểu được phép tách thửa của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, quy định đối với đường có lộ nhỏ hơn 20 m kích thước cạnh của thửa đất tối thiểu là 04m; như vậy phần diện tích đất chị H1 được chia không đủ để được tách thửa của người sử dụng đất. Hơn nữa, hiện tại chị H1 đã có chỗ ở ổn định nên không nhất thiết phải giao đất cho chị H1. Do đó, cần giao diện tích $33,522\text{m}^2$ (ngang 1,03 m) còn lại của chị H, chị H1, chị T thống nhất giao lại cho chị T nhận đất, buộc chị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H1 số tiền 159.122.100 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu T, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1, sửa án sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thị T, chị Nguyễn Thị H1.

Sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; ; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H quyền sử dụng phần đất có diện tích 121,48 m² (ngang mặt trước 4,03 m, ngang mặt sau 4,257m x dài 29,32 m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 4,03 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 4,257 m; phía Nam giáp đất chị H1 được hưởng giao cho anh P dài 29,32 m; phía Bắc giáp đất thửa số 327 dài 29,32 m (Bao gồm 2,53 m ngang của chị H và 1,5 m ngang nhận của chị H1, dài 29, 32 m)/

Chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 208.764.100 (hai trăm linh tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm) đồng.

3. Anh Nguyễn Hữu P được hưởng diện tích 77,502m² (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 2,53 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 2,757 m; phía Nam giáp đất chị T được chia dài 29,32 m; phía Bắc giáp đất của chị H1 được chia dài 29,32 m, trị giá là 367.886.250 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Thu T được hưởng diện tích diện tích 77,502m² (ngang mặt trước 2,53 m, ngang mặt sau 2,757 m x dài 29,32m) thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp NT, xã NS, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố NT, phường NS, TP T), tỉnh Tây Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đường số 26 dài 2,53 m; phía Tây giáp lộ 04 m dài 2,757 m; phía Nam giáp thửa số 423 dài 29,35 m; phía Bắc giáp đất của của anh P được chia dài 29,32 m trị giá là 367.886.250 đồng.

Chị T được hưởng phần đất chị H1 còn lại diện tích 33,522 m² (ngang 1,03 m, dài hết đất).

Chị T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 159.122.100 (một trăm năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi hai ngàn, một trăm đồng).

5. Ghi nhận các bên thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được hưởng căn nhà gạch diện tích 50 m², diện tích nhà tạm 23 m², diện tích mái che 29 m², tổng diện tích 102m², diện tích nhà vệ sinh 5,4m² tọa lạc tại số 13, đường số 16 Bờ Lờ, khu phố NT, phường NS, TP T, tỉnh Tây Ninh; hiện chị T và anh P đang quản lý sử dụng.

6. Án phí dân sự

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 18.394.312 đồng, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.800.000 đồng theo biên lai thu số: 0005795 ngày 01-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP T, tỉnh Tây Ninh; chị H còn phải nộp 3.594.312 đồng

- Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 22.637.130 (hai mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi) đồng.

- Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 18.394.312 (mười tám triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, ba trăm mười hai) đồng.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Thu T không phải chịu.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006251 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP T, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006248 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP T, tỉnh Tây Ninh.

6.3. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Mỗi người phải chịu 1.750.000 đồng theo kỹ phân được hưởng; số tiền này chị H đã chi trả nên chị T, anh P, chị H1 có trách nhiệm giao nộp trả lại cho chị H; đối với phần chị H1 được hưởng giao cho anh P và phần của anh P chị T là người giám hộ nên chị T có trách nhiệm chi trả lại cho chị H.

6.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tp. Tây Ninh;
- Chi Cục THADS tp. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sơn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tòng

Lâm Văn Be

Nguyễn Văn Sơn

